QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRONG TIẾN TRÌNH KHU VỰC HÓA

DOÃN CÔNG KHÁNH
Viện Nghiên cứu Thương mại

Do sự phát triển của khoa học công nghệ và tiến trình hội nhập, hình thức tổ chức thị trường và phương thức hoạt động thương mại cũng đã thay đổi. Thương mại điện tử ra đời và đang có những bước phát triển nhanh chóng. Trong xu thế kinh tế thương mại hiện nay, buôn bán không hiểu theo nghĩa đen thuần tuý, mà nó bao gồm một phạm vi rộng lớn hơn, bao trùm lên hoạt động kinh tế của các quốc gia, với bốn nội dung: *hàng hoá- dịch vụ- đầu tư và các yếu tố thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ*. Có thể nói hình tượng của nền kinh tế thương mại trong thế kỉ XXI có thể khái quát như sau: *thị trường là toàn cầu, định chế quản lý là WTO và các định chế của các khối kinh tế khu vực, chủ thể kinh doanh là các công ty xuyên quốc gia.*

Toàn cầu hoá đã tạo lập nền tảng cho việc duy trì tỉ lệ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, chuyển đổi cơ cấu và phát triển xã hội ở nhiều (nhưng không phải tất cả) quốc gia đang phát triển và điều đặc biệt là tiến trình toàn cầu hoá đã mở ra các cơ hội không hạn chế cho sự hợp tác và hội nhập hiệu quả về thương mại , đầu tư, dịch vụ giữa các quốc gia, các cộng đồng, tròng đó có cả Trung Quốc và ASEAN.

ASEAN và Trung Quốc là những nước đang phát triển ở những thang bậc khác nhau trên quỹ đạo phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các nước này cũng đang phải đối mặt với những cơ hội và thách thức trong một thế giới biến đổi từng ngày, từng giờ.

"Nếu không thể đánh bại, hãy hợp tác" điều này hoàn toàn phù hợp với quyết định của các nước Đông Nam Á khi thiết lập một khu vực thương mại tự do (FTA) với Trung Quốc - quốc gia mà

họ từng xem là một đối thủ kinh tế đáng gờm trong những năm gần đây.

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 5 tại Brunei (6-11-2001) đánh dấu một mốc quan trọng của sự hợp tác khu vực giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Các nhà lãnh đạo của ASEAN và Trung Quốc đã đồng ý thành lập khu vực mậu dịch tự do trong vòng 10 năm (gọi tắt là ACFTA). Và nếu thành công thì ACFTA sẽ trở thành một hình mẫu mới trong việc hợp tác giữa các quốc gia đang phát triển.

Tuy nhiên, một câu hỏi vẫn đeo đẳng là liệu khu vực này có chắc chắn mang lại thắng lợi cho cả đôi bên như lời khuyếch trương của các nhà lãnh đạo hay nó chỉ là "*trò chơi*" mà một bên được lợi, còn bên kia thì mất. Liu Yunhua, Phó Giáo sư của trường đại học công nghệ Nanyang nói: nếu FTA ra đời nhanh sẽ gây thiệt hại cho ASEAN do những luồng hàng xuất khẩu rẻ hơn của Trung Quốc sẽ tràn ngập khu vực, vốn đã chìm trong biển hàng hoá mang nhãn hiệu "*sản xuất tại Trung Quốc*". Tuy nhiên, ông cho rằng khung thời gian 10 năm do ASEAN và Trung Quốc ấn định sẽ giúp ASEAN có đủ thời gian để củng cố các ngành công nghiệp của mình nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày một gay gắt hơn từ phía Trung Quốc. Tom Plate, một giáo sư của trường đại học California, Los Angeles, cho rằng bất chấp các thách thức và trở ngại, Bắc Kinh sẽ cố để thực hiện FTA. Ông nói: "*Tôi cho rằng FTA do Trung Quốc dẫn đầu sẽ mang tính chính trị hơn là kinh tế. Trung Quốc đang bắt đầu lấp chỗ trống vai trò lãnh đạo khu vực bởi Nhật Bản không còn làm được điều đó và Trung Quốc không muốn Mĩ đảm nhận vai trò này. Còn lâu mới chắc chắn FTA sẽ trở thành hiện thực, nhưng Trung Quốc cho rằng về lâu dài điều đó sẽ thành hiện thực và tôi tin họ sẽ nỗ lực hết sức. Tôi không đánh giá thấp họ. Hãy nhớ lại rằng bao nhiêu người phương Tây từng nói Trung Quốc xử lý tồi vấn đề tiếp quản Hồng Công? Nhưng họ đã xử lý không tồi*".

ĐÂU LÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC HỢP TÁC?

Hợp tác trong khu vực sẽ được chia làm bốn cấp độ: *thoả thuận ưu đãi đa phương; cộng đồng hải quan; khu vực mậu dịch tự do và cộng đồng kinh tế*. ACFTA dự kiến thành lập dường như có thể bỏ qua hai cấp độ đầu tiên, nhưng trong quá trình triển khai, hai bên vẫn sẽ phải tiến hành đàm phán và thực thi, sau đó sẽ dần tiến tới những mức độ cao hơn.

Với việc thiết lập ACFTA, các nước trong khu vực sẽ tăng cường được khả năng đối phó với các rủi ro kinh tế, giảm thấp được mức độ lệ thuộc quá nhiều vào thị trường của các nước phát triển. Đồng thời nó còn tạo điều kiện cho ASEAN và Trung Quốc có được tiếng nói quan trọng hơn trong các vấn đề thương mại quốc tế, nhất là những vấn đề mà cả hai bên cùng quan tâm.

Với một môi trường chính trị ổn định, tài nguyên phong phú và nhân công giá rẻ, khu vực này không chỉ thu hút đầu tư của các doanh nghiệp ASEAN và Trung Quốc mà còn hấp dẫn cả các tập đoàn, các công ty nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp từ Hoa Kỳ, châu Âu và Nhật Bản.

Với việc dỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế, cùng với việc thực thi các cơ chế bổ trợ khác, đặc biệt là chương trình thu hoạch sớm (EHP), các sản phẩm mang nhãn hiệu "Made in ASEAN" chắc chắn sẽ gia tăng được cả tốc độ và khối lượng vào thị trường Trung Quốc, thậm chí sẽ còn tăng nhanh hơn so với việc Trung Quốc nhập khẩu từ các nguồn khác. Tăng trưởng thương mại và thu nhập cao hơn sẽ có tác động lan toả tới khu vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch giữa ASEAN và Trung Quốc.

Tính toán sơ bộ cho thấy *"cầu"* của Trung Quốc đối với hàng hoá nhập khẩu từ ASEAN sẽ tăng lên 10% mỗi năm. Mức xuất khẩu của ASEAN vào Trung Quốc sẽ tăng 48% và xuất khẩu của Trung Quốc tới ASEAN tăng 51%. Các sản phẩm và hàng hoá có xuất xứ từ tài nguyên của ASEAN tiếp tục có lợi thế cạnh tranh ở Trung Quốc, đặc biệt là các sản phẩm hydrôcácbon; các sản phẩm nông nghiệp sơ chế và chế biến, các loại lâm sản và hải sản...

Theo một nghiên cứu của McKinsey& Company, trong vòng 10 năm thực hiện chính sách tự do hoá thương mại, thương mại nội khối của các khu vực khác đều tăng, duy chỉ có thương mại nội bộ giữa ASEAN-5 (trừ Brunei) là giảm từ 26% xuống 21%. Do vậy tăng cường quan hệ thương mại với Trung Quốc sẽ làm giảm bớt đi những tác động xấu từ kết quả này.

Người ta dự tính ACFTA sẽ tạo ra một sân chơi với 1,7 tỷ người tiêu dùng, tổng thu nhập quốc nội xấp xỉ con số 2000 tỷ USD và kim ngạch trao đổi thương mại dự báo khoảng 1,23 nghìn tỷ USD. Như vậy dù quy mô kinh tế không lớn như Cộng đồng châu Âu hay Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ, song ACFTA vẫn là một trong những khu vực năng động nhất thế giới, tiềm ẩn rất nhiều khả năng có thể "bùng phát" vào bất cứ lúc nào. Có thể nói: *Việc thiết lập ACFTA là bước đi tiên phong giữa ASEAN và Trung Quốc không tạo ra tiền lệ xấu, mà trái lại nó còn có thể mang lại thuận lợi và cơ hội để Nhật Bản và Hàn Quốc gia tăng, phát triển các quan hệ hợp tác nhiều mặt với các quốc gia Đông Nam Á.*

VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA

Nhìn lại những năm qua có thể nói quan hệ kinh tế - thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc mặc dù có lúc thăng trầm xong nhìn chung vẫn tiến triển tốt đẹp. Điều đó có thể thấy rõ khi nhìn vào quy mô kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng khá nhanh trong những năm qua:

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG QUỐC - ASEAN 1999 – 2005

Đơn vị: 10.000USD

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Kim ngạch xuất nhập khẩu
1999	1,227,478	1,492,700	2,720,178
2000	1,734,132	2,218,095	3,952,227
2001	1,838,542,	2,322,931	4,161,473
2002	1,859,291	4,732,688	6,592,079
2003	3,092,547	4,732,688	7,825,235
2004	4,290,000	6,298,000	10,588,000
2005	-	-	13,000,000

Nguồn: Hải quan Trung Quốc

Bình quân chung, kim ngạch thương mại hai chiều đang đạt mức tăng trưởng gần 40%/ năm và có thể vượt ngưỡng 200 tỷ USD vào năm 2008.

Trong khuôn khổ ACFTA, kim ngạch xuất nhập khẩu song phương ASEAN – Trung Quốc có nhiều triển vọng tăng lên, song về trung và dài hạn có một khả năng lớn là thặng dư cán cân thương mại sẽ nghiêng về phía Trung Quốc.

Cơ cấu sản phẩm xuất cũng không ngừng được thay đổi. Từ hàng hoá kiểu tài nguyên đã chuyển dần sang sản phẩm chế tạo. Hàng hoá ASEAN nhập từ Trung Quốc cũng ngày càng đa dạng, chủ yếu là sản phẩm cơ giới và thiết bị điện tử, hàng dệt và phục trang, kim loại và chế phẩm kim loại, khoáng sản... Phân tích ưu thế sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN dựa trên chỉ số so sánh hiển thị *RCA* cho thấy hiện Trung Quốc có 9 mặt hàng có chỉ số RCA lớn hơn 1 và 13 sản phẩm khác có chỉ số nhỏ hơn 1.

Ở vào thời điểm hiện tại, do đang ở những cung bậc khác nhau trong tiến trình phát triển kinh tế cũng như những khó khăn, bất cập của mỗi nước thành viên, tự do hoá và hội nhập nếu không có sự cân nhắc và thận trọng, hậu quả cũng sẽ khôn lường. Điều đó có thể dập tắt nhiệt tình tham gia và đưa cả hai bên vào chỗ bế tắc.

ASEAN sẽ phải chịu sức ép lớn hơn từ các nhà sản xuất cần nhiều lao động. Sự thâm nhập và sức ép chiếm lĩnh thị trường từ phía Trung Quốc đối với hàng dệt may, lắp ráp điện tử, giày da, đồ chơi, hàng nhựa... sẽ là hiện thực trong một tương lai không xa. ASEAN cũng phải "cọ xát" với Trung Quốc trên 3 thị trường xuất khẩu quan trọng của mình là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản với nhiều mặt hàng vốn được xem là lợi thế của mình.

Đặc điểm có thể thấy rõ trong quan hệ thương mại giữa ASEAN - Trung Quốc là Trung Quốc ngày càng mua nhiều linh kiện rời có thể sản xuất hàng loạt và các sản phẩm sơ chế, các loại khoáng sản..., ASEAN dần dần sẽ trở thành các nhà cung cấp ngày càng nhỏ các bộ phận rời công nghiệp cho Trung Quốc. Đây thực sự là một nguy cơ nếu như Trung Quốc ngừng nhập khẩu những mặt hàng này hoặc các nước ASEAN bị cạn kiệt nguồn tài nguyên hoặc đạt đến ngưỡng sản xuất.

Nếu như "*thuận buồm xuôi gió*", trước mắt và cả trong tương lai, ASEAN vẫn phải chống chọi với hàng hoá giá rẻ, mẫu mã phong phú mang thương hiệu "Made in China". Đó còn là chưa kể tới đội ngũ thương nhân đông đảo người Hoa, có kinh nghiệm và nghệ thuật thương mại - một lực lượng hùng mạnh hỗ trợ cho chính sách mở cửa của Trung Quốc.

Tổng thư ký ASEAN Ong KengYong cho biết tiến trình thương lượng Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN- Trung Quốc (ACFTA) đang đi đúng hướng và chỉ còn một số chi tiết cần thương thuyết như nới lỏng hạn chế về tài chính, dịch vụ và đầu tư.

VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Các nước thường "*thích ứng*" với sự phát triển của Trung Quốc dưới 3 hình thức: 1) *Đầu tư FDI để làm chủ cơ sở sản xuất ở Trung Quốc*; 2) *Xuất khẩu máy móc, thiết bị hiện đại và "vật tư" đầu vào để tham gia tiến trình sản xuất và xuất khẩu của Trung Quốc*; 3) *Xuất khẩu nguyên nhiên liệu, khoáng sản, nông sản, thực phẩm, chủ yếu để phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước*. Việt Nam chủ yếu giao lưu với Trung Quốc thông qua hình thức thứ 3.

ACFTA có tác động tích cực đến quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam với Trung Quốc, vì đây là lần đầu tiên hai nước cùng cam kết cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ một Hiệp định Mậu dịch tự do khu vực.

Hiện nay, xét về lợi ích xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc có thể thấy rằng, trong biểu thuế của Trung Quốc, các hàng hóa có thuế suất trên 20% chiếm 29,9%, từ 11 –20% chiếm 32,86% và dưới 10% chiếm 37,14%. Theo cam kết của ACFTA chỉ trong vòng 5 năm tới, mức thuế suất Trung Quốc áp dụng cơ bản là 0%. Mức thuế này thấp hơn nhiều so với cam kết của Trung Quốc đối với các nước khác gia nhập WTO. Điều đó tạo ra cơ hội lớn cho Việt Nam để tăng nhanh hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc.

Các hàng hóa nông sản là những hàng hóa Việt Nam có thể tăng mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc. Đây là những mặt hàng Việt Nam có thế mạnh và cũng đã xuất khẩu vào Trung Quốc trong nhiều năm qua do Trung Quốc luôn là nước nhập siêu lương thực và nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân. Nhóm hàng này lại càng có lợi thế thâm nhập thị trường Trung Quốc khi thuế quan được cắt giảm mạnh theo ACFTA. Đây cũng chính là ưu đãi mà các nước trong ACFTA dành cho Việt

Nam với tư cách là nước có trình độ phát triển thấp hơn. Những mặt hàng này sẽ có thêm cơ hội để thâm nhập thị trường Trung Quốc và ASEAN, khắc phục được sự phụ thuộc vào các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, nơi hiện nay đang có những đòi hỏi cao về tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn, chi phí vận chuyển, bảo quản cao. Tuy nhiên, hàng hóa nông sản Việt Nam cũng sẽ phải cạnh tranh với hàng hóa nông sản từ Thái Lan với chất lượng cao và cũng được hưởng mức thuế ưu đãi như Việt Nam. Để có thể tận dụng cơ hội do ACFTA, EHP mang lại, Việt Nam cần phải nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản cũng như đảm bảo sự đồng nhất về chất lượng.

Với việc thành lập ACFTA, thương mại qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ ngày càng được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam nói chung cũng như giải quyết đầu ra cho những mặt hàng còn khó khăn về thị trường như: rau hoa quả nhiệt đới, thủy hải sản khô, tươi chưa chế biến, nhiều loại quặng thô, hàng thực phẩm, công nghệ phẩm.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng với một tốc độ đáng kinh ngạc. Nền kinh tế Trung Quốc ngày càng cần nhiều nguyên liệu, đặc biệt là khoáng sản, năng lượng, sản phẩm thô. Do đó, rất nhiều nhà đầu tư Trung Quốc đã tìm kiếm cơ hội nhằm tận dụng lợi thế về tài nguyên của Việt Nam để sản xuất các mặt hàng rồi xuất khẩu ngược trở lại Trung Quốc. Theo ACFTA, các công ty này có thể xuất khẩu ngược trở lại Trung Quốc với thuế suất thấp và như vậy ACFTA sẽ thúc đẩy nhiều hơn nữa các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam.

Khi so sánh cơ cấu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc và giữa các nước ASEAN khác với Trung Quốc có thể dễ dàng nhận thấy điểm yếu quan trọng của Việt Nam so với các nước ASEAN, nhất là ASEAN 6 là tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao rất thấp. Đây sẽ là một trở ngại rất lớn của Việt Nam trong việc tận dụng các cơ hội do ACFTA mang lại nhằm không những tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, từng bước cải thiện cán cân thương mại trong những năm tới.

Nhóm hàng chế tạo như dệt may, giày dép, đồ da, hàng điện tử, dây và cáp điện, đồ nhựa... hiện là những mặt hàng chiến lược giúp thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao tỷ trọng hàng chế tạo trong xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên với những mặt hàng này Trung Quốc lại là đối thủ cạnh tranh không những ở các nước thứ ba mà còn ở ngay trên thị trường Việt Nam.

Hàng của Việt Nam chủ yếu cạnh tranh trên cơ sở giá rẻ. Tuy nhiên lợi thế này cũng sẽ khó duy trì được lâu khi năng suất lao động ở Trung Quốc luôn cao hơn Việt Nam. Đó là còn chưa nói tới chất lượng, mẫu mã, khả năng tiếp thị và cung ứng hàng hoá mà khoảng cách giữa ta và bạn còn khá xa.

Sau khi gia nhập WTO, lượng FDI được thu hút vào Trung Quốc đã tăng lên đáng kể, chiếm khoảng 75% tổng FDI vào châu Á. Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc được thành lập sẽ tạo lợi thế nhiều hơn nữa cho Trung Quốc thu hút nguồn FDI trên thế giới. Việt Nam sẽ phải đối đầu với sự cạnh tranh quyết liệt này, nhất là trong điều kiện môi trường đầu tư của Việt Nam kém sức cạnh tranh so với Trung Quốc.

Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam còn phải chịu sức ép từ nền kinh tế mang bản sắc Trung Hoa. Đặc điểm nổi bật của người Hoa là có tính hướng nội cao, năng lực kinh doanh có truyền thống lâu đời, vì vậy đây sẽ là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

Thực tế cho thấy, không chỉ tại một số nước ASEAN có tỷ lệ người Hoa so với tổng số dân khá cao như Xinh-ga-po: 75%; Malaixia 24%; Brunây: 27%; Thái Lan: 10%, mà ngay tại các nước như Inđônêxia, Philippin, Việt Nam, có tỷ lệ người Hoa rất thấp thì lực lượng này vẫn giữ được vị trí quan trọng ở một số lĩnh vực kinh tế chủ chốt. Trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc, với những thuận lợi về ngôn ngữ, văn hóa sẵn có, lực lượng này đã trở thành sợi dây liên kết đắc lực giữa các nước ASEAN với Trung Quốc.

Một điều đáng chú ý là, trong khi ASEAN và Trung Quốc ký kết Hiệp định về việc thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc thì bản thân các thành viên của ASEAN lại tiến hành đàm phán ký các Hiệp định thương mại tự do song phương với Trung Quốc và cả với các quốc giá khác trong khu vực. Các Hiệp định song phương này vô hình chung lại ít nhiều cản trở đến tiến trình chung do sự khác biệt về lợi ích. Như vậy, nếu như một số lợi thế của Việt Nam trùng với các lợi thế của một hay nhiều quốc gia khác, nhưng sức cạnh tranh của Việt Nam lại kém hơn, nếu Việt Nam không xây dựng được các đối sách hợp lý, thì dễ bị thua thiệt về lợi ích và cũng chỉ là tấm nệm góp phần vào sự ổn định chung của khu vực, nhằm tạo đà cho các thị trường khác phát triển.

Đồng Nhân dân tệ (NDT) lên giá sẽ tạo điều kiện cho việc gia tăng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ và EU cũng như Trung Quốc, giảm nhập siêu. Tuy nhiên đứng về mặt quốc gia, nguồn vốn vay từ Trung Quốc cũng sẽ tăng lên (*vốn ODA từ Trung Quốc của Việt Nam đạt khoảng 315 triệu USD*), luồng vốn xã hội trực tiếp đầu tư cho sản xuất kinh doanh ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO

Nền kinh tế Trung Quốc đã chuyển từ "tăng trưởng hơi nhanh sang tăng trưởng quá nóng". Báo cáo của Cơ quan thống kê quốc gia Trung Quốc (ngày 11 - 7- 2007) cho thấy tốc độ tốc độ phát triển kinh tế của nước này trong năm 2006 ở mức từ 10,7 đến 11,1%. Tổng sản phẩm quốc dân ước tính lá 21,1 nghìn tỷ Nhân dân tệ (2,705 nghìn tỷ USD) và kho dự trữ ngoại tệ đạt mức kỷ lục là 1,33 nghìn tỷ USD- cao nhất thế giới. Với các chỉ số trên, Trung Quốc đã vượt CHLB Đức để

trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới sau Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Tại cuộc hội thảo tổ chức tại tỉnh Sơn Đông mới đây, một số chuyên gia cho rằng Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức 8- 9 % trong thập kỷ tới và đến năm 2018 Trung Quốc sẽ vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Lúc đó GDP bình quân đầu người của Trung Quốc sẽ vào khoảng 6.000 USD so với 1.870 USD như hiện nay.

Nhà kinh tế Joel Naroff trong lời Tựa cho cuốn sách nổi tiếng "*Một năm không dùng hàng Trung Quốc*" của tác giả Sara Bongiorni đã viết : "*Chừng 15% số hàng trị giá 1.700 tỷ USD mà Mỹ nhập vào năm 2006 đến từ Trung Quốc*". Sau một năm thử nghiệm, Sara Bongiorni cho biết: tránh mua hàng sản xuất tại Trung Quốc là khó, nên vẫn chấp nhận mua khi cần thiết.

Phân tích của TS. Vũ Minh Khương - Giảng viên trường Đại học Quốc gia Singapore, khi so sánh 2 nền kinh tế Việt Nam và Trung Quốc, cho thấy: *Trong so sánh với Trung Quốc, chúng ta không chỉ chậm hơn hẳn trong nhịp độ phát triển hiện tại, mà sẽ thấp kém hơn rất nhiều trong vị thế tương lai.*

Theo TS. Vũ Minh Khương, tốc độ tăng trưởng GDP của chúng ta khá cao nhưng so với Trung Quốc thì thấp hơn hẳn bởi một khoảng cách từ 2 đến 2,5%; trong giai đoạn 1990-2006, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Việt Nam và Trung Quốc tương ứng là 7,6% và 10,1% (xem bảng).

TĂNG TRƯỞNG GDP, 2004 - 2006

	1990-2006	2004	2005	2006	2007*	2008*
Việt Nam	7,6%	7,8%	8,4%	8,2%	8,3%	8,5%
Trung Quốc	10,1%	10,1%	10,4%	10,7%	10%	9,8%

* Số liệu 2007 và 2008 là dự báo

Sự thua kém về tăng trưởng GDP bình quân đầu người lại càng lớn hơn do tốc độ tăng dân số của Trung Quốc thấp hơn ta; cùng trong giai đoạn 1990-2006, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của nước ta là 6,0% trong khi của Trung Quốc là 9,1%.

Những tính toán của T.S Vũ Minh Khương về động thái tăng trưởng của Việt Nam và Trung Quốc kể từ khi công cuộc cải cách phát huy hiệu lực ở mỗi nước (*năm 1990 với Việt Nam, năm 1980 với Trung Quốc*) cũng cho thấy: Tăng trưởng GDP 7,6% của Việt Nam giai đoạn 1990-2006 khá giống với các nước Đông Nam Á trong thời kỳ 20 năm, 1975-1995 (Thái Lan: 8,1%; Malaysia: 7,5%; Inđônêsia: 7,1%), trong khi của Trung Quốc (tăng trưởng GDP đạt 9,8% trong giai đoạn 1980-2006) tương tự và có phần trội vượt hơn các con rồng châu Á trong thời kỳ 30 năm, 1965-1995 (Singapore: 9,0%; Hàn Quốc: 8,4%).

Hơn nữa, Trung Quốc đã có hàng chục năm đạt tốc độ tăng trưởng GDP ở mức trên 10% (dấu hiệu của nền kinh tế cất cánh), trong khi tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt tới mức cao nhất của mình là 9,5% vào năm 1995.

Kết quả là, khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa nước ta và Trung Quốc mỗi ngày một cách xa. Nếu vào năm 1976, khi nước ta mới thống nhất, mức thu nhập bình quân đầu người của hai nước xấp xỉ bằng nhau (khoảng 140 USD), thì đến năm 2006, mức thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc (1.589USD) đã gấp gần ba lần nước ta (578USD).

Phân tích dưới đây theo hai tình huống lạc quan A và B cho thấy, vị thế của Việt Nam vào năm 2045 so với Trung Quốc sẽ vô cùng thấp kém.

Lược đồ 1A. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn (1990-2045)—Tình huống A-SIÊU LẠC QUAN

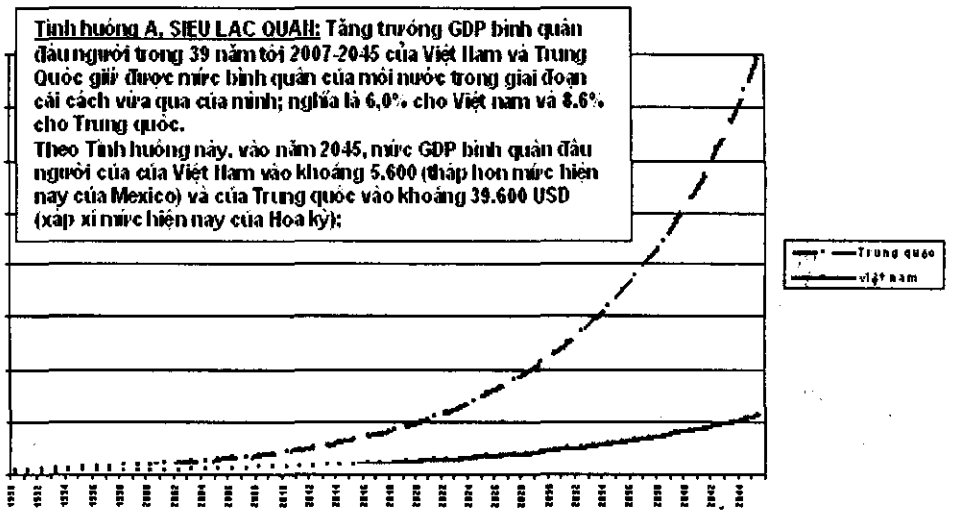

TÌNH HUỐNG A - SIÊU LẠC QUAN

(Lược đồ 1A) giả định rằng trong 40 năm tới, cả hai nước tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người như đã đạt được kể từ khi công cuộc cải cách kinh tế ở mỗi nước bắt đầu phát huy hiệu lực. Nghĩa là, từ năm 2007 đến năm 2045, Việt Nam sẽ liên tục đạt mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người 6,0% (như trong giai đoạn 1990-2006) trong khi tốc độ này của Trung Quốc là 8,6% (như trong giai đoạn 1980-2006).

Theo tình huống này, vào năm 2045, mức thu nhập GDP bình quân đầu người của Việt *Nam vào khoảng 5.600 USD, thấp hơn so với mức hiện nay của Mexico (6.200 USD), trong* khi của Trung Quốc vào khoảng 39.600 USD (xấp xỉ mức hiện nay của Hoa Kỳ và Nhật Bản).

Tuy nhiên, đây là giả định siêu lạc quan, ít hiện thực cho cả hai nước vì theo quy luật hội tụ, tốc độ tăng trưởng của mỗi quốc gia có thiên hướng giảm khi mức thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao lên.

Tình huống B- Lạc quan hiện thực (Lược đồ 1B) giả định rằng trong 10 năm tới (2007-2016), cả hai nước tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người đã đạt được trong thời kỳ cải cách của mình (Việt Nam: 6,0%; Trung Quốc: 8,6%); sau đó, trong 29 năm tiếp theo (2017-2045), tăng trưởng GDP bình quân đầu người của hai nước chậm lại: Việt Nam theo mô hình của Thái Lan giai đoạn 1975-2005 với mức tăng 4,7%/năm; Trung Quốc theo mô hình của Hàn Quốc cùng trong giai đoạn 1975-2005 này, với mức tăng 5,7%/năm.

Lược đồ 1B. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn (1990-2045)—Tình huống B-LẠC QUAN HIỆN THỰC

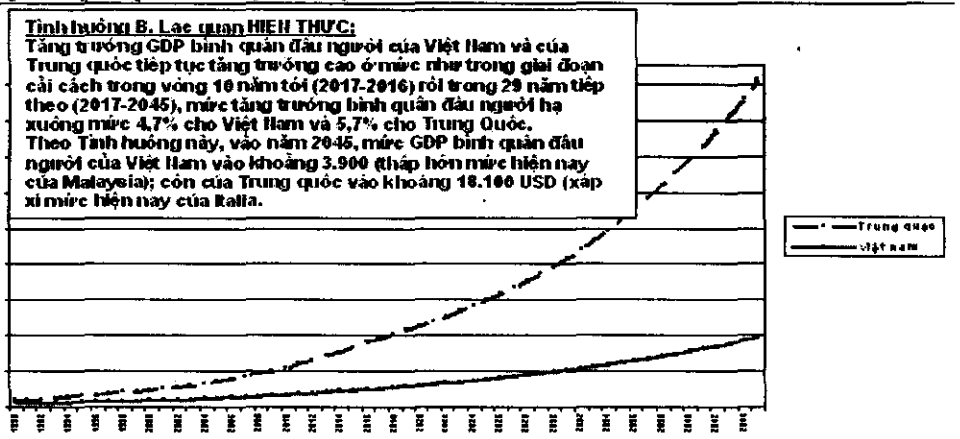

TÌNH HUỐNG B - LẠC QUAN HIỆN THỰC

Theo Tình huống này, vào năm 2045, mức thu nhập GDP bình quân đầu người của Việt *Nam vào khoảng 3.900 USD, thấp hơn mức hiện nay của Malaysia (4.400 USD); trong khi* đó, mức thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc sẽ vào khoảng 18.100 USD, cao hơn mức hiện nay của Hàn Quốc (13.500 USD) và gần bằng mức hiện nay của Italia (19.500 USD). Giả định này vẫn là rất

lạc quan cho cả hai nước, đặc biệt với Việt Nam, tuy nhiên, tính hiện thực khá cao. Trong một tình huống kém lạc quan hơn, (không trình bày ở đây), vào năm 2045, Việt Nam đạt được trình độ phát triển hiện nay của Thái Lan, trong khi Trung Quốc ở mức hiện nay của Hàn Quốc.

Các tình huống trên đây cho thấy, nếu nước ta không có nỗ lực đột phá, thì cho dù bối cảnh phát triển trong mấy thập kỷ tới vẫn tiếp tục thuận lợi như hiện nay, Việt Nam sẽ vẫn ở mức phát triển thấp so với khu vực và thế giới, trong khi Trung Quốc sẽ tiến rất xa và trở thành một nước công nghiệp phát triển. Và như vậy, vào năm 2045, khi kỷ niệm 100 năm thành lập nước và 70 năm ngày thống nhất đất nước, Việt Nam vẫn chưa thoát hẳn cảnh nghèo nàn lạc hậu (giống như Mexico, Malaysia, hay Thái Lan hiện nay).

Đột phá sẽ đẩy nhanh sự vận động đi lên của xã hội, và đó sẽ là động lực, không chỉ đưa đất nước thoát ra khỏi quốc nạn tham nhũng thoái hóa đạo đức mà còn đặt nền tảng khai phóng mạnh mẽ cho công cuộc phát triển của nước ta trong những thời gian tới. Chỉ có đột phá quyết liệt, *Việt Nam mới có hy vọng trở thành một nước công nghiệp và đuổi kịp Trung Quốc về mức thu nhập vào năm 2045.*

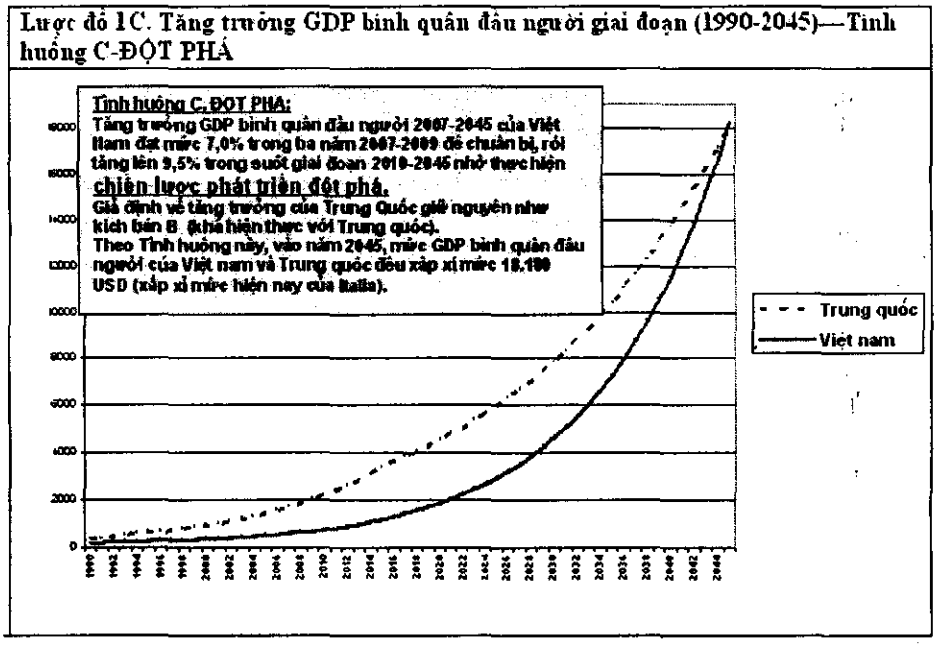

TÌNH HUỐNG C - ĐỘT PHÁ

Giả định rằng, Trung Quốc sẽ phát triển theo Tình huống Lạc quan hiện thực như phân tích ở trên trong Lược đồ 1B. Theo tình huống này, vào năm 2045, Trung Quốc sẽ trở thành một nước công nghiệp với mức thu nhập bình quân đầu người gần bằng Italia hiện nay. Đây có lẽ cũng chính là khát vọng của người Việt Nam khi chúng ta hướng tới năm 2045.

Trong tình huống này, để vượt lên và bắt kịp Trung Quốc vào năm 2045, tăng trưởng của nền kinh tế nước ta phải có những bước tiến vượt bậc: đạt mức tăng GDP bình quân đầu người với tốc độ 7,0% trong ba năm 2007-2009 (thời gian chuẩn bị), rồi tăng lên mức 9,5% cho suốt giai đoạn 36 năm (2010-2045). Như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của nước ta cho cả giai đoạn 39 năm, 2007-2045 phải đạt mức 9,1%, xấp xỉ kỷ lục của Singapore giai đoạn 1965-1995 và của Trung Quốc giai đoạn 1990-2006. Điều này sẽ chỉ có thể xảy ra nếu Việt Nam có những bước phát triển đột phá (Lược đồ 1c).

Tăng cường quan hệ thương mại Việt - Trung sẽ có một ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh chính sách, cơ chế đã có, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề sau: Đổi mới cơ cấu kinh tế phù hợp với yêu cầu của thị trường và chiến lược phát triển kinh tế của đất nước, cải cách hệ thống pháp luật, ngân hàng, tài chính, hệ thống DNNN, tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, tạo sức hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế sẽ làm cho các doanh nghiệp năng động hơn, có sức cạnh tranh hơn, đủ khả năng tham gia vào sân chơi ASEAN – Trung Quốc.

Việc tham gia vào Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc được xem là cuộc "tổng diễn tập" hội nhập kinh tế quốc tế và là một minh chứng có sức thuyết phục về việc Việt Nam đang tiến dần đến một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh.

Việt Nam cũng sẽ có được một thị trường xuất khẩu rộng lớn cho các mặt hàng nông, lâm sản và một số mặt hàng gia dụng, khoáng sản...; khu vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch sẽ có những đột phá quan trọng. Nhìn chung, những ngành có lợi thế cạnh tranh sẽ có cơ hội đầu tư, phát triển. Tuy nhiên, Việt Nam cũng sẽ gặp khó khăn lớn khi cạnh tranh với bạn trong việc thu hút đầu tư nước ngoài do nhiều nguyên do khác nhau. Hàng hoá trên thị trường nội địa cũng sẽ vấp phải sức "công phá" quyết liệt khi hàng hoá của ASEAN, Trung Quốc "đổ bộ" vào với ưu thế về chất lượng, giá cả và kinh nghiệm trong buôn bán, tiếp thị.

Đẩy nhanh tốc độ cải cách, mở rộng cánh cửa hợp tác, hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 phạm vi: quốc gia – doanh nghiệp – sản phẩm, tự do hoá thương mại với những bước đi và

tốc độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mình... có thể xem là định hướng, là *"lối thoát"* hợp quy luật đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Với tư duy như vậy, theo chúng tôi Việt Nam cần thực thi một số giải pháp như sau:

1. Tổ chức, sắp xếp lại lực lượng thương nhân trong cả nước theo hướng gắn sản xuất với lưu thông, hình thành các tổ chức sản xuất, kinh doanh chuyên doanh về ngành, nhóm và mặt hàng đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới. Thiết lập mối liên kết ngang giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh theo mô hình hiệp hội ngành hàng. Sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà nông – nhà khoa học – nhà băng – nhà doanh nghiệp sẽ tạo ra xung lực mới cho các doanh nghiệp Việt Nam trên thương trường.

2. Hoàn thiện hệ thống thông tin kinh tế, sắp xếp, tổ chức lại và xây dựng mới các trung tâm thông tin đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác cho các nhà quản lý, các doanh gia và các đối tượng khác những thông tin về thị trường, giá cả, cạnh tranh và các chính sách của phía đối tác.

3. Nhanh chóng tổ chức các sàn giao dịch, các cụm kho và các chợ chuyên doanh lớn. Phát triển các giao dịch điện tử tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để các doanh nghiệp khai thác, triển khai nhanh chóng các giao dịch trên mạng.

4. Thương hiệu không chỉ tạo dựng, định vị sản phẩm mà nó còn đi kèm với chất lượng và uy tín của mỗi doanh nghiệp. Như vậy, việc xây dựng, củng cố, phát triển và bảo vệ thương hiệu là việc làm vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu bền của mỗi doanh nghiệp trên bước đường hội nhập. Xây dựng thương hiệu Việt Nam nói chung và thương hiệu doanh nghiệp nói riêng cũng chính là xây dựng nguồn lực cho công cuộc phát triển kinh tế, phải được xem là *những việc cần làm ngay* để đảm bảo sự thành công trong quá trình hội nhập.

5. Lộ trình hội nhập phải được xây dựng cụ thể cho từng lĩnh vực, từng mặt hàng, từng loại hình dịch vụ, đầu tư, với một thời gian biểu hợp lý. Trước mắt, cần phổ cập một cách rộng rãi, cụ thể lịch trình thực hiện ACFTA, các cam kết gia nhập WTO, cắt giảm thuế và công cụ phi thuế. Việc bãi bỏ các rào cản phi thuế phải được tiến hành càng sớm càng tốt, đồng thời nhanh chóng hoán đổi các biện pháp này thành các mức thuế.

Tham gia vào ASEAN, APEC, ASEM, ký Hiệp định khung về thương mại với EU, Hoa Kỳ, và bước tiếp theo là Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc, có thể nói Việt Nam đang có *thời cơ và vận hội* để rút ngắn con đường phát triển của mình mà lịch sử thế giới phải trải qua hàng trăm năm mới có.